

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 240/2026/DS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán nợ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - CẦN THƠ.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: Ngô Thị Mỹ Nhiên;
- Ông: Đặng Thành Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 429/2025/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán nợ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2026/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: **Trần Tùng L**, sinh năm 1977 và **Đặng Thị H**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Trần Thị Hồng H1**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: A, đường C tháng B, phường A, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/8/2022 hai vợ chồng bị đơn Trần Tùng L và Đặng Thị H (H2 hay H) có mượn của bà Trần Thị Hồng H1 số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, vợ chồng bị đơn nhận tiền mặt, sau khi nhận tiền thì bị đơn không đóng lãi và không trả tiền cho bà H1.

Đến ngày 30/9/2023, bà H1 bán giấy nợ của bị đơn cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng, sau đó nguyên đơn có gặp bị đơn để đòi số tiền trên nhưng bị đơn nói có trả số tiền rồi và không đồng ý với số nợ trên.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu bị đơn Trần Tùng L và Đặng Thị H có nghĩa trả nguyên đơn số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng và lãi suất 33%/năm kể từ ngày 30/9/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình tố tụng bị đơn Trần Tùng L và Đặng Thị H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình tố tụng bị đơn Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Thị Hồng H1:

Ông L là cậu chị H1, chị H1 là chủ hội, chị H1 có tham gia hai chung hội sống, mỗi chung 2.000.000 đồng. Khoảng năm 2023, khi đó ông L thỏa thuận với chị H1 là chị H1 hốt hội của chị H1 để cho ông L mượn, chị H1 hốt được hơn 60 triệu nhưng chỉ cho ông L mượn 45.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi vì này là cho mượn hội, thỏa thuận sau khi mượn thì ông L đóng lại hội chết mỗi tháng là 4.000.000 đồng, đóng 11 tháng và đưa thêm 1.000.000 đồng nữa là coi như xong nợ. Đối với việc cho mượn này thì chị H1 không hưởng lợi gì vì ông L là cậu chị H1. Mặc dù thỏa thuận vậy nhưng ông L, bà H chưa đóng được lần nào và cũng chưa trả tiền lần nào cho chị H1. Trong giấy cam kết trả nợ chỉ do mình ông L ký tên, bà H có biết việc mượn nợ nhưng không có ký tên.

Sở dĩ ông L ra mượn tiền của chị H1 vì khi đó L ra làm vừa tràm ở Đầu Sáu gần nhà chị H1 ở, chị H1 giao tiền cho ông L nhưng bà H biết vì sau đó chị H1 vô trong nhà ông L thì nghe bà H nói là có biết việc mượn nợ và hứa bán đất trả.

Giữa chị H1 và T (T là cháu chồng bà con), Vào ngày 30/9/2023, khi đó chị H1 có bầu nên không đi đòi nợ được nên có thỏa thuận với T là bán nợ cho T để T đi đòi nợ thay chị H1. Chị H1 bán toàn bộ số nợ của ông L, bà H thiếu bằng 35.000.000 đồng, chính chị H1 đã ký tên bán nợ. Hiện nay ông T đã trả đủ tiền chị H1, do chị H1 đã bán nợ cho T rồi thì T yêu cầu ông L, bà H trả

45.000.000 đồng là đúng vì còn công cán của T. Đồng thời, chị H1 cũng không có yêu cầu gì đối với số nợ của ông L, bà H đã thiếu chị H1 trước đây.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm cho rằng trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Linh có nghĩa vụ trả nguyên đơn 45.000.000 đồng. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm trả nợ.

Đối với việc nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn trả lãi, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng được quy định tại khoản 6 Điều 26, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là:

- 01 Giấy mượn tiền do Trần Tùng L ký tên (Nội dung mượn tiền của Trần Thị Hồng H1 45.000.000 đồng).

- 01 Hợp đồng mua bán nợ, ngày 30/9/2023 do Trần Thị Hồng H1 và Nguyễn Thanh T ký tên (Nội dung chị H1 bán cho anh T số nợ Trần Tùng L thiếu chị H1).

[3.1] Do bị đơn vắng mặt nên không thể đối chất xem bị đơn có viết và ký tên vào biên nhận trên hay không cũng như không thể đối chất số tiền mượn. Tuy nhiên, bị đơn biết được việc nguyên đơn khởi kiện và khi tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thì bị đơn không hợp tác và vắng mặt trong suốt quá trình

giải quyết vụ án nên xem như thừa nhận việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng từ chối nghĩa vụ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[3.2] Qua chứng cứ nguyên đơn cung cấp, qua lời khai của chị Trần Thị Hồng H1 có căn cứ xác định: Bị đơn Trần Tùng L có vay tiền của chị Trần Thị Hồng H1 số tiền 45.000.000 đồng là thật. Sau khi vay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên chị Trần Thị Hồng H1 ký giấy bán nợ cho nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 365 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quyền yêu cầu của chị H1 được chuyển giao cho nguyên đơn thế quyền và nguyên đơn trở thành bên có quyền yêu cầu, việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ. Như vậy, sau khi quyền yêu cầu được chuyển giao thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 45.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Về xác định trách nhiệm trả nợ: Do chỉ có bị đơn Trần Tùng L ký vay nợ. Đồng thời, nguyên đơn không có căn cứ chứng minh bị đơn Đặng Thị H cùng vay nợ nên trách nhiệm trả nợ thuộc về bị đơn Trần Tùng L.

[4] Qua đánh giá chứng cứ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Trần Tùng L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 45.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu trả lãi, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án có giá ngạch.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 365, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban T1 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Trần Tùng L có nghĩa vụ trả Nguyễn Thanh T tổng số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Thời gian trả nợ do Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tính lãi suất.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Trần Tùng L phải nộp 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Nguyễn Thanh T được nhận lại 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012508, ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tp Cần Thơ;
- THADS tp Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14-Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm